

Quận 7, ngày 02 tháng 12 năm 2019

KẾT QUẢ KỲ THI HỌC SINH GIỎI LỚP 9 BẬC TRUNG HỌC CƠ SỞ CẤP QUẬN
Năm học 2019 - 2020
MÔN: TOÁN

Số TT	SBD	HỌ VÀ LÓT	TÊN	NGÀY SINH			NƠI SINH	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM	GHI CHÚ
				NGÀY	THÁNG	NĂM					
1	T14	Phan Thành	Hưng	27	3	2005	TP.HCM	9TC1	Nguyễn Hữu Thọ	19	x
2	T5	Đặng Quỳnh	Chi	25	6	2005	LB Nga	9TC2	Nguyễn Hữu Thọ	17.5	x
3	T23	Nguyễn Thị Khánh	Ngọc	31	1	2005	TP.HCM	9TC1	Nguyễn Hữu Thọ	17	x
4	T33	Nguyễn Hữu Quốc	Trung	24	4	2005	Khánh Hòa	9TC4	Nguyễn Hữu Thọ	16	x
5	T15	Nguyễn Hồ Quang	Khải	18	8	2005	TP.HCM	9A2	Nguyễn Hữu Thọ	15.5	x
6	T4	Lê Quốc	Bình	22	12	2005	TP.HCM	9TC3	Nguyễn Hữu Thọ	15	x
7	T22	Lê Minh	Ngọc	24	4	2005	TP.HCM	9TC1	Nguyễn Hữu Thọ	14.5	x
8	T13	Vũ Ngọc	Hiền	30	9	2005	TP.HCM	9A1	Nguyễn Hữu Thọ	14	x
9	T18	Nguyễn Ngọc Khánh	Linh	24	9	2005	TP.HCM	9TC1	Nguyễn Hữu Thọ	14	x
10	T7	Trần Đại	Dương	19	2	2005	Đà Nẵng	9TC1	Hoàng Quốc Việt	13	x
11	T16	Đỗ Trọng	Khoa	17	4	2005	TP.HCM	9TC1	Nguyễn Hữu Thọ	12.5	x
12	T29	Lâm Thiện	Thiên	28	7	2005	TPHCM	9B1	Đức Trí	12	x
13	T26	Lục Duy Minh	Quân	20	2	2005	TP.HCM	9TH	Nguyễn Hữu Thọ	10.75	x
14	T6	Hoàng Đình	Đại	2	1	2005	TP.HCM	9A2	Nguyễn Hữu Thọ	9.25	x
15	T19	Lê Nguyễn Nhật	Minh	22	1	2005	TP.HCM	9TC3	Nguyễn Hữu Thọ	9	x
16	T3	Trần Quốc	Bảo	16	12	2005	TP.HCM	9A4	Nam Sài Gòn	8.5	
17	T30	Nguyễn Hoàng	Thư	25	12	2005	TP.HCM	9TC	Trần Quốc Tuấn	8	
18	T25	Lê Minh	Phát	19	10	2005	TP.HCM	9A5	Phạm Hữu Lầu	6.5	
19	T35	Nguyễn Phan Kim	Tuyền	31	10	2005	TP.HCM	9A5	Phạm Hữu Lầu	6.5	
20	T1	Huỳnh Nguyễn Hoàng	Ân	4	4	2005	TP.HCM	9A1	Phạm Hữu Lầu	6.25	
21	T21	Vương Nguyễn Hồng	Ngọc	27	8	2005	TP.HCM	9A1	Phạm Hữu Lầu	5	
22	T11	Phạm Thị Thu	Hân	1	1	2005	TP.HCM	9A5	Phạm Hữu Lầu	4.5	
23	T20	Đặng Vũ Thảo	My	23	2	2005	TP.HCM	9A1	Nguyễn Hữu Thọ	4.5	
24	T24	Lưu Thị Quỳnh	Như	15	7	2005	Nam Định	9A5	Phạm Hữu Lầu	4	
25	T2	Phạm Hoàng	Anh	7	1	2005	TP.HCM	9TC2	Nguyễn Hữu Thọ	3.5	
26	T12	Nguyễn Mai	Hiền	13	4	2005	TP.HCM	9A5	Phạm Hữu Lầu	3.5	
27	T27	Phùng Ngô Kiến	Quốc	17	6	2005	TP.HCM	9TC1	Hoàng Quốc Việt	3.5	

Số TT	SBD	HỌ VÀ LÓT	TÊN	NGÀY SINH			NƠI SINH	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM	GHI CHÚ
				NGÀY	THÁNG	NĂM					
28	T10	Lê Thị Ngọc	Hân	26	6	2005	TP.HCM	9A7	Phạm Hữu Lầu	3	
29	T28	Mai Phạm Khánh	Quỳnh	19	11	2005	TP.HCM	9A1	Đinh Thiện Lý	3	
30	T34	Nguyễn Thanh	Tú	24	5	2005	TP.HCM	9A2	Phạm Hữu Lầu	2.5	
31	T8	Đỗ Ngọc Thanh	Hà	5	10	2005	BR-VT	9A6	Đinh Thiện Lý	2	
32	T36	Trần Hoàng	Vũ	7	5	2005	TP.HCM	9A2	Phạm Hữu Lầu	2	
33	T31	Huỳnh Thị Minh	Thư	17	7	2005	TP.HCM	9A1	Trần Quốc Tuấn	1.5	
34	T32	Dương Khắc	Tín	25	9	2005	Tiền Giang	9A1	Trần Quốc Tuấn	1.5	
35	T9	Nguyễn Bảo	Hân	16	4	2005	TP.HCM	9A1	Trần Quốc Tuấn	0.5	
36	T17	Trần Nguyễn Đăng	Khôi	21	6	2005	TP.HCM	9A1	Trần Quốc Tuấn	0.5	

Tổng cộng có 36 học sinh đăng ký dự thi môn Toán;
 Tổng cộng có 15 học sinh đạt giải học sinh giỏi cấp quận môn Toán;
 Ghi chú: đánh dấu "x" là học sinh đạt giải học sinh giỏi cấp quận năm học 2019 - 2020

NGƯỜI LẬP BẢNG

(đã ký)

Nguyễn Thị Kim Ngọc

TRƯỞNG PHÒNG

(đã ký và đóng dấu)

Ngô Xuân Đông

Quận 7, ngày 02 tháng 12 năm 2019

KẾT QUẢ KỲ THI HỌC SINH GIỎI LỚP 9 BẬC TRUNG HỌC CƠ SỞ CẤP QUẬN
Năm học 2019 - 2020
MÔN : VẬT LÝ

Số TT	SBD	HỌ VÀ LÓT	TÊN	NGÀY SINH			NƠI SINH	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM	GHI CHÚ
				NGÀY	THÁNG	NĂM					
1	VL30	Trần Gia	Phúc	16	12	2005	TP.HCM	9TH	Nguyễn Hữu Thọ	15	x
2	VL19	Nguyễn Vũ Thanh	Lâm	7	9	2005	TP.HCM	9TH	Nguyễn Hữu Thọ	13.75	x
3	VL15	Nguyễn Đức Huy	Hoàng	9	9	2005	TP.HCM	9TC1	Nguyễn Hữu Thọ	13	x
4	VL24	Lương Nhật	Minh	26	12	2005	Hải Phòng	9TC1	Hoàng Quốc Việt	13	x
5	VL1	Phạm Quỳnh	Anh	19	9	2005	TP.HCM	9A8	Nguyễn Hữu Thọ	12.5	x
6	VL14	Trương Công Gia	Hiếu	11	1	2005	TP.HCM	9TC1	Nguyễn Hữu Thọ	12.5	x
7	VL20	Võ Ngọc Hoàng	Lân	21	9	2005	TP.HCM	9TC4	Hoàng Quốc Việt	12.5	x
8	VL39	Đinh Ngọc	Việt	10	8	2005	TP.HCM	9A4	Nam Sài Gòn	12.5	x
9	VL40	Châu Nguyễn Tường	Vy	29	9	2005	TP.HCM	9A8	Nguyễn Hữu Thọ	12.5	x
10	VL26	Trà Lê Tuyết	Nhi	27	7	2005	TP.HCM	9A4	Nguyễn Hữu Thọ	11	x
11	VL13	Tăng Thế Tuấn	Hiệp	3	7	2005	Nghệ An	9A1	Phạm Hữu Lầu	10.75	x
12	VL16	Quách Kiến	Huy	4	4	2005	TP.HCM	9A4	Nam Sài Gòn	10.25	x
13	VL31	Trần Quang Hoàng	Quân	13	3	2005	TP.HCM	9TC4	Nguyễn Hữu Thọ	10	x
14	VL29	Huỳnh Tấn	Phát	22	4	2005	TP.HCM	9TC4	Hoàng Quốc Việt	8.5	x
15	VL17	Trần Hoàng	Khải	17	7	2005	TP.HCM	9A1	Nam Sài Gòn	7.75	x
16	VL2	Phạm Đình Nam	Anh	24	8	2005	TP.HCM	9TH	Nguyễn Hữu Thọ	7.5	
17	VL32	Lâm Minh Tùng	Quân	2	7	2005	Cần Thơ	9A4	Nam Sài Gòn	7.5	
18	VL38	Nguyễn Văn	Tuấn	15	2	2005	Vĩnh Long	9A4	Nguyễn Hữu Thọ	7.5	
19	VL18	Nguyễn Lê Minh	Khôi	27	4	2005	TP.HCM	9A6	Đinh Thiện Lý	7	
20	VL34	Phan Hoàng	Thiện	26	9	2005	TP.HCM	9A2	Nguyễn Thị Thập	5.75	
21	VL12	Nguyễn Gia	Hân	18	12	2005	TP.HCM	9A4	Đinh Thiện Lý	5.5	
22	VL35	Trần Ngọc	Thoại	12	7	2005	TP.HCM	9TC4	Hoàng Quốc Việt	5.5	
23	VL11	Nguyễn Bảo	Hân	19	8	2005	TP.HCM	9A1	Nam Sài Gòn	5	
24	VL25	Lê Thị Thanh	Nhàn	10	12	2005	TP.HCM	9A4	Nguyễn Thị Thập	5	
25	VL36	Lưu Châu Thanh	Thúy	12	3	2005	TP.HCM	9A1	Phạm Hữu Lầu	4.5	
26	VL7	Lê Tiến	Đạt	10	6	2005	TP.HCM	9A1	Phạm Hữu Lầu	3	
27	VL3	Phạm Thái	Bảo	13	5	2005	Thái Nguyên	9A3	Nam Sài Gòn	2.5	

28	VL4	Lưu Gia	Bảo	10	7	2005	Bắc Ninh	9B1	Đức Trí	2.5	
29	VL10	Nguyễn Sơn	Hà	28	10	2005	TP.HCM	9TC4	Hoàng Quốc Việt	2.5	
30	VL27	Bùi Gia Di	Nhiên	6	7	2005	TP.HCM	9TC	Trần Quốc Tuấn	2.5	
31	VL37	Lê Quang	Trung	9	12	2005	TP.HCM	9TC4	Hoàng Quốc Việt	2.5	
32	VL6	Phan Minh	Đạt	2	7	2005	TP.HCM	9A1	Trần Quốc Tuấn	2	
33	VL28	Lê Nguyễn Ngọc	Nhung	22	8	2005	TP.HCM	9A2	Nguyễn Thị Thập	2	
34	VL33	Võ Thanh	Thảo	10	8	2005	TP.HCM	9TC	Trần Quốc Tuấn	2	
35	VL21	Nguyễn Hoàng	Lập	26	2	2005	An Giang	9A1	Trần Quốc Tuấn	1	
36	VL5	Nguyễn Khoa	Đăng	16	9	2005	TPHCM	9B1	Đức Trí	0	
37	VL8	Hoàng Minh	Đức	25	7	2005	TP.HCM	9A3	Nam Sài Gòn	0	
38	VL9	Nguyễn Thị Thùy	Dung	31	10	2005	Hải Dương	9A1	Trần Quốc Tuấn	0	
39	VL22	Hoàng Gia Khánh	Linh	26	2	2005	TP.HCM	9A2	Nguyễn Thị Thập	0	
40	VL23	Ngô Đào Xuân	Mai	20	9	2005	TP.HCM	9A1	Phạm Hữu Lầu	0	
41	VL41	Nguyễn Thị Thanh	Xuân	6	2	2005	TP.HCM	9TC	Trần Quốc Tuấn	0	
42	VL42	An Thị Hải	Yến	12	5	2005	Vĩnh Long	9A1	Trần Quốc Tuấn	0	
43	VL43	Huỳnh Thị Kim	Yến	27	5	2005	TPHCM	9B1	Đức Trí	0	

Tổng cộng có 43 thí sinh đăng ký dự thi môn Vật lý;

Tổng cộng có 15 học sinh đạt giải học sinh giỏi cấp quận môn Vật lý;

Ghi chú: đánh dấu "x" là học sinh đạt giải học sinh giỏi cấp quận năm học 2019 - 2020

NGƯỜI LẬP BẢNG

(đã ký)

Nguyễn Thị Kim Ngọc

TRƯỞNG PHÒNG

(đã ký và đóng dấu)

Ngô Xuân Đông

Quận 7, ngày 02 tháng 12 năm 2019

KẾT QUẢ KỲ THI HỌC SINH GIỎI LỚP 9 BẬC TRUNG HỌC CƠ SỞ CẤP QUẬN
Năm học 2019 - 2020
MÔN : HÓA HỌC

Số TT	SBD	HỌ VÀ LÓT	TÊN	NGÀY SINH			NƠI SINH	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM	GHI CHÚ
				NGÀY	THÁNG	NĂM					
1	H34	Đặng Nguyễn Duy	Tuyên	23	2	2005	TP.HCM	9TC4	Nguyễn Hữu Thọ	14.125	x
2	H22	Đoàn Nguyễn Khánh	Ngân	2	5	2005	TP.HCM	9TC3	Nguyễn Hữu Thọ	13.25	x
3	H14	Trần Ngọc	Linh	4	1	2005	Cà Mau	9A1	Trần Quốc Tuấn	11.75	x
4	H30	Trương Bùi Xuân	Trúc	1	11	2005	Tiền Giang	9A1	Phạm Hữu Lầu	11.75	x
5	H20	Đào Lý	My	27	1	2005	TP.HCM	9TC	Trần Quốc Tuấn	11.625	x
6	H12	Nguyễn Minh	Khôi	19	12	2005	TP.HCM	9TC3	Hoàng Quốc Việt	11.475	x
7	H36	Lê Nguyễn Tường	Vy	7	10	2005	TP.HCM	9A1	Phạm Hữu Lầu	11.25	x
8	H1	Trần Minh	Anh	5	3	2005	TP.HCM	9A1	Phạm Hữu Lầu	10.625	x
9	H24	Phùng Ngọc Bảo	Nhi	21	5	2005	TP.HCM	9TC	Trần Quốc Tuấn	10.375	x
10	H31	Lê Trương Đình	Tuấn	28	3	2005	TP.HCM	9TC1	Nguyễn Hữu Thọ	10.125	x
11	H11	Huỳnh Bảo	Huyền	7	2	2005	TP.HCM	9A6	Đinh Thiện Lý	9.9	x
12	H17	Nguyễn Trần Thành	Long	6	7	2005	TP.HCM	9A3	Nguyễn Hữu Thọ	9.75	x
13	H6	Trương Dương Thu	Giang	15	4	2005	TP.HCM	9A5	Phạm Hữu Lầu	9.725	x
14	H35	Nguyễn Ngọc Phương	Uyên	23	3	2005	TP.HCM	9TC4	Nguyễn Hữu Thọ	8.875	x
15	H16	Quách Kiến	Long	4	4	2005	TP.HCM	9A4	Nam Sài Gòn	8.6	x
16	H4	Đào Phan Mạnh	Cầm	26	2	2005	TP.HCM	9TC1	Nguyễn Hữu Thọ	8.475	
17	H27	Nguyễn Thị Mộng	Thắm	7	11	2005	TP.HCM	9A6	Phạm Hữu Lầu	7.5	
18	H29	Nguyễn Lê Anh	Thư	16	2	2005	Đồng Nai	9TC1	Nguyễn Hữu Thọ	7.5	
19	H8	Nguyễn Khả	Hân	10	10	2005	TP.HCM	9A4	Đinh Thiện Lý	7.375	
20	H9	Phan Nguyễn Mai	Hân	8	11	2005	TP.HCM	9A2	Nguyễn Hữu Thọ	7	
21	H28	Nguyễn Minh	Thư	24	1	2005	TP.HCM	9A6	Đinh Thiện Lý	7	
22	H21	Trần Phương Trà	My	10	1	2005	TP.HCM	9TC3	Hoàng Quốc Việt	6.625	
23	H18	Phạm Hoàng	Mai	8	3	2005	TP.HCM	9A6	Đinh Thiện Lý	6.5	
24	H7	Hoàng Lê	Giang	7	10	2005	Tiền Giang	9TC1	Hoàng Quốc Việt	6.375	
25	H10	Trần Lê Kim	Hiền	7	8	2005	Bình Định	9A3	Phạm Hữu Lầu	5.625	
26	H25	Triệu Ý	Nhi	19	11	2005	TP.HCM	9A5	Phạm Hữu Lầu	5.5	

Số TT	SBD	HỌ VÀ LÓT	TÊN	NGÀY SINH			NƠI SINH	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM	GHI CHÚ
				NGÀY	THÁNG	NĂM					
27	H23	Lâm Thảo	Nghi	12	8	2005	TP.HCM	9A6	Đinh Thiện Lý	5.275	
28	H33	Nguyễn Gia Cát	Tường	5	4	2005	TP.HCM	9A1	Đinh Thiện Lý	4.875	
29	H19	Lưu Trình Học	Mẫn	21	11	2005	TP.HCM	9A1	Đinh Thiện Lý	4.625	
30	H2	Nguyễn Bảo Vân	Anh	30	3	2005	TP.HCM	9A5	Phạm Hữu Lầu	4	
31	H5	Huỳnh Ngân Kỳ	Duyên	4	2	2005	TPHCM	9B1	Đức Trí	3.875	
32	H32	Hoàng Nguyễn Chí	Tùng	15	1	2005	Quảng Ngãi	9A4	Nam Sài Gòn	3.75	
33	H15	Trần Phương	Linh	12	12	2005	TP.HCM	9A1	Đinh Thiện Lý	2.75	
34	H13	Ngô Nguyễn Hoàng	Kim	3	1	2005	TP.HCM	9A6	Phạm Hữu Lầu	2	
35	H3	Lê Hoàng Minh	Anh	29	3	2005	TP.HCM	9A4	Nam Sài Gòn	1.75	
36	H26	Nguyễn Dương Yến	Nhi	14	5	2005	TP.HCM	9A6	Phạm Hữu Lầu	1.75	

Tổng cộng có 36 thí sinh đăng ký dự thi môn Hóa học;

Tổng cộng có 15 học sinh đạt giải học sinh giỏi cấp quận môn Hóa học;

Ghi chú: đánh dấu "x" là học sinh đạt giải học sinh giỏi cấp quận năm học 2019 - 2020

NGƯỜI LẬP BẢNG

(đã ký)

Nguyễn Thị Kim Ngọc

TRƯỞNG PHÒNG

(đã ký và đóng dấu)

Ngô Xuân Đông

Quận 7, ngày 02 tháng 12 năm 2019

KẾT QUẢ KỲ THI HỌC SINH GIỎI LỚP 9 BẬC TRUNG HỌC CƠ SỞ CẤP QUẬN
Năm học 2019 - 2020
MÔN : SINH HỌC

Số TT	SBD	HỌ VÀ LÓT	TÊN	NGÀY SINH			NƠI SINH	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM	GHI CHÚ
				NGÀY	THÁNG	NĂM					
1	Si30	Nguyễn Hàn	Phong	1	4	2005	Hà Nội	9A9	Nguyễn Thị Thập	19.25	x
2	Si2	Nguyễn Gia	Bảo	12	4	2005	TP.HCM	9A8	Nguyễn Thị Thập	19	x
3	Si46	Trần Thanh Như	Ý	24	2	2005	TP.HCM	9A8	Nguyễn Thị Thập	19	x
4	Si8	Tổng Khánh	Đoan	3	4	2005	TP.HCM	9A5	Nguyễn Thị Thập	18	x
5	Si17	Phạm Trần Thanh	Khang	30	5	2005	TP.HCM	9A8	Nguyễn Thị Thập	15.75	x
6	Si28	Trạc Minh	Nhật	10	2	2004	Đồng Nai	9A3	Nguyễn Thị Thập	15	x
7	Si40	Đinh Thị Minh	Trang	28	4	2005	TP.HCM	9A8	Nguyễn Thị Thập	14.75	x
8	Si32	Nguyễn Đăng Cẩm	Quỳnh	4	9	2005	TP.HCM	9A9	Nguyễn Thị Thập	14	x
9	Si43	Nguyễn Lạc	Uy	10	4	2005	TP.HCM	9A9	Nguyễn Thị Thập	13.5	x
10	Si26	Hồ Ngọc Hải	Nhân	23	3	2005	TP.HCM	9A8	Nguyễn Thị Thập	13	x
11	Si21	Phạm Nguyễn Bảo	My	26	8	2005	TP.HCM	9A8	Nguyễn Thị Thập	11.25	x
12	Si4	Bùi Lan	Chi	17	1	2005	Hà Nội	9A1	Nam Sài Gòn	11	x
13	Si37	Nguyễn Phú	Thiện	21	8	2005	TP.HCM	9TC4	Nguyễn Hữu Thọ	11	x
14	Si12	Nguyễn Công Hà	Giang	10	4	2005	Bắc Ninh	9A8	Nguyễn Thị Thập	9.75	x
15	Si9	Nguyễn Trương Hào	Đông	5	1	2005	TP.HCM	9TC1	Huỳnh Tấn Phát	9.5	
16	Si35	Trát Mẫn	Thanh	12	7	2005	TP.HCM	9A7	Nguyễn Thị Thập	9.5	
17	Si16	Phạm Ng Ngọc Quỳnh	Hương	5	12	2005	TP.HCM	9TC1	Huỳnh Tấn Phát	9.25	
18	Si19	Trần Minh	Khuê	29	3	2005	TP.HCM	9TC1	Huỳnh Tấn Phát	8.75	
19	Si13	Trần Hợp Gia	Hân	28	9	2005	TP.HCM	9TC1	Nguyễn Hữu Thọ	8.25	
20	Si18	Nguyễn Phúc Thiên	Khoa	31	1	2005	TP.HCM	9TC1	Nguyễn Hữu Thọ	8.25	
21	Si25	Phan Trần Thảo	Nguyên	21	7	2005	TP.HCM	9A7	Nguyễn Hữu Thọ	8	
22	Si24	Hoàng Bích	Ngọc	19	11	2005	Hải Phòng	9A1	Nam Sài Gòn	7	
23	Si10	Nguyễn Lê Thùy	Dương	23	5	2005	TP.HCM	9TC1	Nguyễn Hữu Thọ	6.5	
24	Si41	Trần Sơn Bảo	Trọng	27	11	2005	TPHCM	9B2	Đức Trí	6.5	
25	Si15	Phạm Ngọc Quỳnh	Hương	25	11	2005	TP.HCM	9A5	Trần Quốc Tuấn	6	
26	Si23	Hồ Hải	Nam	27	8	2005	TP.HCM	9A1	Phạm Hữu Lầu	6	
27	Si45	Nguyễn Yến	Vy	10	5	2005	TP.HCM	9A2	Phạm Hữu Lầu	6	
28	Si1	Trần Ngọc	Ánh	26	2	2005	TP.HCM	9TC1	Nguyễn Hữu Thọ	5.75	

Số TT	SBD	HỌ VÀ LÓT	TÊN	NGÀY SINH			NƠI SINH	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM	GHI CHÚ
				NGÀY	THÁNG	NĂM					
29	Si47	Luu Hoàng	Yến	26	9	2005	TP.HCM	9TC3	Huỳnh Tấn Phát	5.75	
30	Si3	Lý Quỳnh	Châu	2	2	2005	TP.HCM	9TC1	Nguyễn Hữu Thọ	5.5	
31	Si33	Nguyễn Lâm Trúc	Quỳnh	1	9	2005	TP.HCM	9A8	Nguyễn Thị Thập	5.5	
32	Si42	Nguyễn Hoàng Thanh	Trúc	28	3	2005	TP.HCM	9A4	Đinh Thiện Lý	5.5	
33	Si6	Trần Lê Quốc	Đại	27	4	2005	TP.HCM	9A8	Nguyễn Thị Thập	5	
34	Si7	Trần Hữu	Di	21	3	2005	TP.HCM	9B2	Đức Trí	5	
35	Si29	Nguyễn Kiều	Oanh	14	5	2005	TP.HCM	9TC1	Huỳnh Tấn Phát	4.75	
36	Si20	Hoàng Thị Phương	Linh	28	6	2005	TP.HCM	9A2	Nguyễn Hữu Thọ	4.5	
37	Si34	Đặng Hải	Son	30	9	2005	TP.HCM	9TC1	Huỳnh Tấn Phát	4.5	
38	Si27	Trần Nguyễn Thanh	Nhi	10	2	2005	TP.HCM	9TC3	Huỳnh Tấn Phát	4	
39	Si31	Lê Trần Uyên	Phương	8	7	2005	TP.HCM	9TC1	Nguyễn Hữu Thọ	2.75	
40	Si22	Lê Thị Hoàng	Mỹ	13	3	2005	Long An	9A2	Phạm Hữu Lầu	2.25	
41	Si44	Đặng Ngọc Khánh	Vy	27	11	2005	TP.HCM	9A1	Trần Quốc Tuấn	2.25	
42	Si5	Nguyễn Ngô Quốc	Đại	13	10	2005	TP.HCM	9A2	Phạm Hữu Lầu	1.75	
43	Si39	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Trang	4	3	2005	TP.HCM	9A4	Đinh Thiện Lý	1.75	
44	Si14	Phan Ngọc Mỹ	Hạnh	16	7	2005	TP.HCM	9A2	Phạm Hữu Lầu	1.5	
45	Si11	Trần Hương	Giang	10	8	2005	Hải Phòng	9A1	Huỳnh Tấn Phát	Vắng	
46	Si36	Trần Thanh	Thảo	27	8	2005	TP.HCM	9A3	Nam Sài Gòn	Vắng	
47	Si38	Nguyễn Ngọc Anh	Thư	9	10	2005	TP.HCM	9A3	Nam Sài Gòn	Vắng	

Tổng cộng có 47 thí sinh đăng ký dự thi môn Sinh học;

Tổng cộng có 14 học sinh đạt giải học sinh giỏi cấp quận môn Sinh học;

Ghi chú: đánh dấu "x" là học sinh đạt giải học sinh giỏi cấp quận năm học 2019 - 2020

NGƯỜI LẬP BẢNG

(đã ký)

Nguyễn Thị Kim Ngọc

TRƯỞNG PHÒNG

(đã ký và đóng dấu)

Ngô Xuân Đông

Quận 7, ngày 02 tháng 12 năm 2019

KẾT QUẢ KỲ THI HỌC SINH GIỎI LỚP 9 BẬC TRUNG HỌC CƠ SỞ CẤP QUẬN
Năm học 2019 - 2020
MÔN : NGỮ VĂN

Số TT	SBD	HỌ VÀ LÓT	TÊN	NGÀY SINH			NƠI SINH	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM	GHI CHÚ
				NGÀY	THÁNG	NĂM					
1	V47	Lê Thị Anh	Thư	11	7	2005	TP.HCM	9A2	Nguyễn Hiền	7.75	x
2	V53	Cao Thị Ngọc	Tuyền	9	9	2005	TP.HCM	9A2	Nguyễn Hiền	7.5	x
3	V32	Huỳnh Ngọc Yến	Nhi	26	6	2005	TP.HCM	9A1	Nguyễn Hữu Thọ	7	x
4	V52	Trần Thanh	Tú	18	8	2005	Quảng Bình	9TC	Trần Quốc Tuấn	7	x
5	V17	Vũ Diệp Minh	Huyền	5	9	2005	Thái Bình	9A2	Nguyễn Hiền	6.5	x
6	V27	Hoàng Thanh	Ngân	28	5	2005	TP.HCM	9A1	Nguyễn Hữu Thọ	6.5	x
7	V39	Lại Như	Phương	2	12	2005	TP.HCM	9TC2	Nguyễn Hữu Thọ	6.5	x
8	V44	Trần Nguyễn Minh	Tâm	17	06	2005	TP.HCM	9A8	Nguyễn Thị Thập	6.5	x
9	V51	Nguyễn Thị Thùy	Trang	4	8	2005	TP.HCM	9A5	Nguyễn Hiền	6.5	x
10	V60	Trương Thanh Bửu	Vy	8	10	2005	TP.HCM	9A6	Nguyễn Hiền	6.5	x
11	V15	Nguyễn Thị Ngọc	Huệ	26	04	2005	Tiền Giang	9A5	Nguyễn Thị Thập	6	x
12	V28	Nguyễn Ngọc Kim	Ngân	09	06	2005	TP.HCM	9A9	Nguyễn Thị Thập	6	x
13	V29	Dương Xuân	Nghi	20	10	2005	TP.HCM	9A1	Nguyễn Hữu Thọ	6	x
14	V43	Trương Nguyễn Thanh	Tâm	11	10	2005	Đồng Nai	9A3	Nguyễn Hiền	6	x
15	V59	Lê Phương Thảo	Vy	27	4	2005	TP.HCM	9A1	Đinh Thiện Lý	6	x
16	V3	Trần Vũ Tú	Anh	17	8	2005	TP.HCM	9A1	Nguyễn Hiền	5.5	
17	V6	Hoàng Bội	Châu	9	1	2005	TP.HCM	9A2	Nguyễn Hữu Thọ	5.5	
18	V12	Phạm Thị Mỹ	Duyên	6	3	2005	TP.HCM	9A4	Huỳnh Tấn Phát	5.5	
19	V13	Nguyễn Vũ Thanh	Hà	29	11	2005	TP.HCM	9A2	Nam Sài Gòn	5.5	
20	V26	Phạm Thị Thanh	Ngân	29	6	2005	Hưng Yên	9A5	Hoàng Quốc Việt	5.5	
21	V30	Hồ Vũ Đông	Nghi	13	10	2005	TP.HCM	9A2	Nguyễn Hiền	5.5	
22	V31	Lê Nguyễn Như	Ngọc	17	08	2005	TP.HCM	9A9	Nguyễn Thị Thập	5.5	
23	V45	Vũ Hồng Minh	Thảo	17	12	2005	TP.HCM	9A9	Nguyễn Thị Thập	5.5	
24	V1	Phạm Thanh	An	09	06	2005	Hà Nội	9A1	Nguyễn Thị Thập	5	
25	V2	Nguyễn Quỳnh	Anh	13	11	2005	TP.HCM	9A2	Đinh Thiện Lý	5	
26	V4	Nguyễn Thị Thùy	Chăm	13	11	2005	TP.HCM	9TC 1	Hoàng Quốc Việt	5	

Số TT	SBD	HỌ VÀ LÓT	TÊN	NGÀY SINH			NƠI SINH	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM	GHI CHÚ
				NGÀY	THÁNG	NĂM					
27	V7	Nguyễn Hoàng Thy	Đan	14	4	2005	TP.HCM	9A4	Đinh Thiện Lý	5	
28	V10	Mã Thị Thanh	Dung	21	11	2005	TP.HCM	9A9	Nguyễn Thị Thập	5	
29	V11	Lê Đỗ Thùy	Dương	14	11	2005	TP.HCM	9TC1	Huỳnh Tấn Phát	5	
30	V14	Nguyễn Ngọc Gia	Hân	15	09	2005	Vĩnh Long	9A9	Nguyễn Thị Thập	5	
31	V24	Giang Hồng	Mi	2	4	2004	Sóc Trăng	9A5	Nguyễn Hiền	5	
32	V54	Đỗ Ánh	Tuyết	26	11	2005	TP.HCM	9A7	Nguyễn Thị Thập	5	
33	V56	Dương Thúy	Vân	8	7	2005	Hà Tây	9A3	Nguyễn Hiền	5	
34	V21	Lê Ngọc Thiên	Kim	14	11	2005	TP.HCM	9TC1	Huỳnh Tấn Phát	4.5	
35	V25	Nguyễn Thị Kim	Ngân	11	1	2005	TP.HCM	9TC1	Hoàng Quốc Việt	4.5	
36	V36	Dương Hoàng Bảo	Như	5	7	2005	TP.HCM	9TC3	Huỳnh Tấn Phát	4.5	
37	V37	Trần Lê Tuyết	Nhung	25	2	2005	TP.HCM	9A5	Hoàng Quốc Việt	4.5	
38	V55	Đoàn Nguyễn Bảo	Uyên	30	4	2005	TP.HCM	9A2	Nguyễn Hữu Thọ	4.5	
39	V57	Nguyễn Trần Minh	Văn	26	5	2005	TP.HCM	9TC	Trần Quốc Tuấn	4.5	
40	V9	Nguyễn Phúc	Điện	02	06	2005	TP.HCM	9A9	Nguyễn Thị Thập	4.25	
41	V16	Phan Vĩnh	Hưng	31	08	2005	TP.HCM	9A9	Nguyễn Thị Thập	4	
42	V18	Nguyễn Hà	Khanh	2	2	2005	TP.HCM	9A5	Đinh Thiện Lý	4	
43	V34	Nguyễn Ngọc Yến	Nhi	3	11	2005	TP.HCM	9A1	Phạm Hữu Lầu	4	
44	V35	Nguyễn Ngọc Yến	Nhi	2	10	2005	Ninh Bình	9A3	Nguyễn Hiền	4	
45	V41	Dương Thị Kim	Phượng	7	4	2005	Tiền Giang	9A3	Huỳnh Tấn Phát	4	
46	V49	Huỳnh Nguyễn Hoài	Thương	4	1	2005	TP.HCM	9TC3	Hoàng Quốc Việt	4	
47	V50	Nguyễn Mai	Trâm	27	3	2005	TP.HCM	9TC4	Nguyễn Hữu Thọ	4	
48	V58	Huỳnh Ngọc Kim	Vy	12	7	2005	TP.HCM	9TC3	Huỳnh Tấn Phát	4	
49	V5	Nguyễn Thị Hà	Châu	6	7	2005	TP.HCM	9A1	Phạm Hữu Lầu	3.5	
50	V19	Nguyễn Hoàng Ngọc	Khánh	30	8	2005	TP.HCM	9TC2	Hoàng Quốc Việt	3.5	
51	V33	Nguyễn Thảo	Nhi	3	8	2005	TP.HCM	9TC	Trần Quốc Tuấn	3.5	
52	V42	Dương Hải Bảo	Quỳnh	16	8	2005	TPHCM	9B2	Đức Trí	3.5	
53	V48	Nguyễn Thị Bích	Thương	29	3	2005	Bắc Giang	9A4	Trần Quốc Tuấn	3.5	
54	V8	Phạm Tất	Đạt	18	7	2005	TP.HCM	9TC	Trần Quốc Tuấn	3	
55	V23	Trần Hoàng	Mai	3	5	2005	TP.HCM	9A2	Huỳnh Tấn Phát	3	
56	V38	Nguyễn Lam	Phương	2	5	2005	TP.HCM	9A2	Hoàng Quốc Việt	2.5	
57	V20	Phạm Mai Anh	Kiệt	29	8	2005	TPHCM	9B2	Đức Trí	2	
58	V40	Bùi Trần Khanh	Phương	27	2	2005	TPHCM	9B2	Đức Trí	1.5	

Số TT	SBD	HỌ VÀ LÓT	TÊN	NGÀY SINH			NƠI SINH	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM	GHI CHÚ
				NGÀY	THÁNG	NĂM					
59	V22	Hà Xuân	Mai	13	7	2005	An Giang	9.R1	Việt Úc (RS)	Vắng	
60	V46	Vũ Hoàng Mai	Thi	30	9	2004	Tây Ninh	9A6	Nguyễn Hiền	Vắng	

Tổng cộng có 60 thí sinh đăng ký dự thi môn Ngữ văn;
Tổng cộng có 15 học sinh đạt giải học sinh giỏi cấp quận môn Ngữ văn;
Ghi chú: đánh dấu "x" là học sinh đạt giải học sinh giỏi cấp quận năm học 2019 - 2020

NGƯỜI LẬP BẢNG

(đã ký)

Nguyễn Thị Kim Ngọc

TRƯỞNG PHÒNG

(đã ký và đóng dấu)

Ngô Xuân Đông

Quận 7, ngày 02 tháng 12 năm 2019

KẾT QUẢ KỲ THI HỌC SINH GIỎI LỚP 9 BẬC TRUNG HỌC CƠ SỞ CẤP QUẬN
Năm học 2019 - 2020
MÔN : TIẾNG ANH

Số TT	SBD	HỌ VÀ LÓT	TÊN	NGÀY SINH			NƠI SINH	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM	GHI CHÚ
				NGÀY	THÁNG	NĂM					
1	A36	Trần Huỳnh Hạ	Lam	25	7	2005	TP.HCM	9TC1	Nguyễn Hữu Thọ	75	x
2	A28	Lưu Tứ	Khoa	26	1	2005	TP.HCM	9TC2	Nguyễn Hữu Thọ	74.5	x
3	A32	Ngô Đình	Khôi	21	1	2005	TP.HCM	9TC2	Nguyễn Hữu Thọ	72.5	x
4	A4	Nguyễn Tường Khải	Anh	5	8	2005	TP.HCM	9A2	Đinh Thiện Lý	67.5	x
5	A23	Nguyễn Võ Mạnh	Hùng	22	10	2005	TP.HCM	9A1	Hoàng Quốc Việt	67.5	x
6	A21	Lê Trung	Hiền	2	10	2005	Đồng Tháp	9A5	Phạm Hữu Lầu	67	x
7	A14	Võ Minh	Đức	21	10	2005	TP.HCM	9TC2	Nguyễn Hữu Thọ	66.5	x
8	A16	Nguyễn Lê Thùy	Dương	19	8	2005	TP.HCM	9A1	Nguyễn Hữu Thọ	64.5	x
9	A37	Nguyễn Phạm Thanh	Long	15	8	2005	TP.HCM	9.R1	Việt Úc (RS)	64	x
10	A34	Trần Nguyễn Vương	Khuê	10	2	2005	TP.HCM	9A1	Nguyễn Hữu Thọ	63	x
11	A62	Trần Minh	Thư	17	2	2005	TP.HCM	9A6	Đinh Thiện Lý	62.5	x
12	A7	Phùng Gia Trâm	Anh	6	5	2005	TP.HCM	9TH	Nguyễn Hữu Thọ	62	x
13	A31	Hà Phước	Khôi	17	6	2005	TP.HCM	9TC2	Nguyễn Hữu Thọ	59.5	x
14	A49	Huỳnh Thanh	Nhã	15	4	2005	TP.HCM	9A6	Nguyễn Hữu Thọ	59.5	x
15	A71	Lê Anh	Khôi	11	4	2005	TPHCM	9B2	Đức Trí	59.5	x
16	A66	Trần Phương	Trang	18	9	2005	TP.HCM	9A9	Nguyễn Thị Thập	56	
17	A39	Nguyễn Ngọc Xuân	Mai	9	4	2005	TP.HCM	9TC3	Nguyễn Hữu Thọ	55.5	
18	A70	Phan Nhật Uyên	Vy	27	2	2005	TP.HCM	9TC2	Nguyễn Hữu Thọ	55.5	
19	A33	Trần Đoàn Minh	Khuê	19	5	2005	TP.HCM	9A4	Đinh Thiện Lý	54.5	
20	A58	Nguyễn Duy	Tân	30	4	2005	TP.HCM	9TC2	Hoàng Quốc Việt	54.5	
21	A40	Trần Thiện	Minh	24	3	2005	TP.HCM	9A1	Phạm Hữu Lầu	54	
22	A63	Nguyễn Ngọc Phương	Thùy	23	6	2005	TP.HCM	9A2	Nguyễn Hiền	54	
23	A2	Phạm Thị Chúc	An	27	4	2005	Hà Nội	9A9	Nguyễn Thị Thập	53	
24	A25	Nguyễn Cửu Bảo	Khang	28	9	2005	TP.HCM	9A4	Nam Sài Gòn	52	
25	A68	Lâm Thành	Trung	20	12	2005	TPHCM	9B1	Đức Trí	52	

Số TT	SBD	HỌ VÀ LÓT	TÊN	NGÀY SINH			NƠI SINH	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM	GHI CHÚ
				NGÀY	THÁNG	NĂM					
26	A35	Nguyễn Trần Ngọc	Lam	11	8	2005	TP.HCM	9A2	Đinh Thiện Lý	51	
27	A44	Nguyễn Quốc Bảo	Ngọc	5	9	2005	TP.HCM	9TC3	Hoàng Quốc Việt	51	
28	A3	Hà Trường	Ân	13	10	2005	TP.HCM	9A1	Nam Sài Gòn	50	
29	A46	Hồ Ánh	Ngọc	18	4	2005	TP.HCM	9TC3	Nguyễn Hữu Thọ	48.5	
30	A50	Nguyễn Trần Minh	Nhi	3	5	2005	TP.HCM	9A3	Nam Sài Gòn	48.5	
31	A10	Lưu Gia	Bảo	21	3	2005	TP.HCM	9A6	Đinh Thiện Lý	48	
32	A22	Nguyễn Phú Minh	Hiếu	23	9	2005	TP.HCM	9A3	Đinh Thiện Lý	47.5	
33	A57	Lê Tuấn	Tài	31	12	2005	TP.HCM	9A5	Phạm Hữu Lầu	46.5	
34	A27	Bùi Huỳnh Đăng	Khoa	2	11	2005	TP.HCM	9TC4	Hoàng Quốc Việt	46	
35	A56	Ngô Xuân	Quỳnh	31	7	2005	TP.HCM	9TC1	Nguyễn Hữu Thọ	46	
36	A6	Võ Ngọc	Anh	11	9	2005	Nghệ An	9TC3	Nguyễn Hữu Thọ	45	
37	A5	Nguyễn Huỳnh Thảo	Anh	21	2	2005	TP.HCM	9A6	Đinh Thiện Lý	44.5	
38	A24	Trần Kim	Hương	3	4	2005	TP.HCM	9A1	Nguyễn Hiền	44.5	
39	A47	Nguyễn Phạm Bảo	Ngọc	16	5	2005	TP.HCM	9TH	Nguyễn Hữu Thọ	44.5	
40	A69	Trương Phạm Phương	Uyên	29	3	2005	TPHCM	9B1	Đức Trí	44.5	
41	A29	Lê Minh	Khôi	6	3	2005	TP.HCM	9A4	Nam Sài Gòn	44	
42	A38	Ngô Ngọc Phi	Long	15	7	2005	TP.HCM	9A5	Phạm Hữu Lầu	44	
43	A45	Hoàng Lê Bảo	Ngọc	25	12	2005	TP.HCM	9TC4	Hoàng Quốc Việt	44	
44	A48	Nguyễn Chí Khải	Nguyễn	6	10	2005	TPHCM	9B1	Đức Trí	44	
45	A72	Nguyễn Hải	Minh	12	1	2005	TPHCM	9B2	Đức Trí	44	
46	A17	Lê Bảo Minh	Duy	29	10	2005	TP.HCM	9TC1	Huỳnh Tấn Phát	42.5	
47	A18	Bùi Việt	Hà	27	10	2005	TP.HCM	9A2	Huỳnh Tấn Phát	42	
48	A41	Nguyễn Việt	Nam	4	2	2005	TP.HCM	9.R1	Việt Úc (RS)	42	
49	A54	Trần Duy	Quang	27	9	2005	TP.HCM	9A5	Phạm Hữu Lầu	41.5	
50	A11	Nguyễn Hoàng Nghi	Bình	13	2	2005	TP.HCM	9TC1	Huỳnh Tấn Phát	41	
51	A53	Nguyễn Tiến	Phát	6	12	2005	TP.HCM	9TC3	Huỳnh Tấn Phát	40	
52	A59	Ng. Thanh Hoàng Th	Thái	24	9	2005	TP.HCM	9TC3	Hoàng Quốc Việt	39.5	
53	A64	Nguyễn Nguyệt Tóc	Tiên	22	11	2005	An Giang	9A3	Nam Sài Gòn	39.5	
54	A9	Võ Song Ngọc Lan	Anh	15	11	2005	TP.HCM	9A1	Nguyễn Hiền	37	
55	A43	Lưu Phương	Nghi	20	4	2005	TP.HCM	9TC3	Hoàng Quốc Việt	33.5	
56	A60	Trần Phương	Thảo	3	5	2005	TP.HCM	9A1	Nguyễn Hiền	32.5	

Số TT	SBD	HỌ VÀ LÓT	TÊN	NGÀY SINH			NƠI SINH	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM	GHI CHÚ
				NGÀY	THÁNG	NĂM					
57	A1	Ngô Khánh	An	13	10	2005	TP.HCM	9A1	Hoàng Quốc Việt	32	
58	A42	Nguyễn Nhật	Nam	20	12	2005	TP.HCM	9A8	Nguyễn Thị Thập	32	
59	A30	Võ Minh	Khôi	5	8	2005	TP.HCM	9A1	Hoàng Quốc Việt	31.5	
60	A19	Nguyễn Phan Phú	Hải	6	1	2005	TP.HCM	9TC4	Hoàng Quốc Việt	30.5	
61	A61	Tôn Kim	Thịnh	21	2	2005	TP.HCM	9A2	Nguyễn Hiền	29.5	
62	A52	Trương Huỳnh Minh	Nhật	9	6	2005	TP.HCM	9A9	Nguyễn Thị Thập	29	
63	A26	Nguyễn Công	Khanh	9	12	2005	TPHCM	9B1	Đức Trí	28.5	
64	A15	Huỳnh Trọng	Đức	22	5	2005	TP.HCM	9A2	Nguyễn Hiền	26.5	
65	A20	Phạm Ngọc Bảo	Hân	29	12	2005	TP.HCM	9TC2	Huỳnh Tấn Phát	26	
66	A67	Uông Thanh	Trúc	25	9	2005	TP.HCM	9A5	Nguyễn Thị Thập	25.5	
67	A55	Nguyễn Đặng Thúy	Quỳnh	2	1	2005	TP.HCM	9TC2	Huỳnh Tấn Phát	25	
68	A65	Đỗ Trang Vỹ	Trân	30	3	2005	TP.HCM	9A9	Nguyễn Thị Thập	25	
69	A12	Lê Hà	Chi	13	12	2005	Đà Nẵng	9A1	Hoàng Quốc Việt	23	
70	A13	Hoàng Anh	Đức	29	11	2005	TP.HCM	9TC1	Huỳnh Tấn Phát	21.5	
71	A51	Nguyễn Lê Quỳnh	Như	16	10	2005	TP.HCM	9A2	Nguyễn Hiền	21.5	
72	A8	Phan Duy	Anh	14	2	2005	TP.HCM	9A8	Nguyễn Thị Thập	17.5	

Tổng cộng có 72 thí sinh đăng ký dự thi môn Tiếng Anh;

Tổng cộng có 15 học sinh đạt giải học sinh giỏi cấp quận môn Tiếng anh;

Ghi chú: đánh dấu "x" là học sinh đạt giải học sinh giỏi cấp quận năm học 2019 - 2020

NGƯỜI LẬP BẢNG

(đã ký)

Nguyễn Thị Kim Ngọc

TRƯỞNG PHÒNG

(đã ký và đóng dấu)

Ngô Xuân Đông

Quận 7, ngày 02 tháng 12 năm 2019

KẾT QUẢ KỲ THI HỌC SINH GIỎI LỚP 9 BẬC TRUNG HỌC CƠ SỞ CẤP QUẬN
Năm học 2019 - 2020
MÔN : LỊCH SỬ

Số TT	SGD	HỌ VÀ LÓT	TÊN	NGÀY SINH			NƠI SINH	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM	GHI CHÚ
				NGÀY	THÁNG	NĂM					
1	Su21	Nguyễn Công	Minh	25	3	2005	TP.HCM	9A3	Nguyễn Thị Thập	13.5	x
2	Su7	Nguyễn Tùng	Dương	30	11	2005	Hải Phòng	9A3	Nguyễn Thị Thập	12.75	x
3	Su12	Huỳnh Minh	Hạnh	19	5	2005	Quảng Ninh	9A5	Nguyễn Thị Thập	12.75	x
4	Su45	Lê Mỹ	Uyên	29	4	2005	TP.HCM	9tc4	Hoàng Quốc Việt	12.75	x
5	Su30	Phạm Nguyễn Quỳnh	Như	15	4	2005	TP.HCM	9A1	Phạm Hữu Lầu	12.25	x
6	Su13	Lê Thị Hồng	Hạnh	24	7	2005	Huế	9A5	Nguyễn Hiền	12	x
7	Su2	Nguyễn Thụy Phương	Anh	23	11	2005	TP.HCM	9A4	Đinh Thiện Lý	11.75	x
8	Su5	Trương Trịnh Hải	Đăng	12	11	2005	TP.HCM	9A5	Nguyễn Hữu Thọ	11.5	x
9	Su6	Lê Vinh	Điền	18	1	2005	TP.HCM	9A4	Đinh Thiện Lý	11.5	x
10	Su14	Lê Thị Huỳnh	Hoa	4	3	2005	Đồng Tháp	9A3	Nguyễn Thị Thập	11.5	x
11	Su28	Dương Bảo	Nhi	18	9	2005	TP.HCM	9A6	Phạm Hữu Lầu	11.25	x
12	Su44	Trần Thị Cát	Tường	2	9	2005	Đồng Nai	9TC3	Huỳnh Tấn Phát	11.25	x
13	Su18	Trịnh Khánh	Linh	26	11	2005	TP.HCM	9TC	Trần Quốc Tuấn	11	x
14	Su38	Nguyễn Thị Thanh	Thư	13	10	2005	Long An	9A2	Huỳnh Tấn Phát	10.5	x
15	Su1	Nguyễn Phương	Anh	1	8	2005	Hoà Bình	9A4	Huỳnh Tấn Phát	9.75	x
16	Su33	Đoàn Nguyễn Mỹ	Phụng	8	10	2005	TP.HCM	9A4	Trần Quốc Tuấn	9.25	
17	Su10	Quách Hoàng Gia	Hân	29	5	2005	TP.HCM	9A2	Huỳnh Tấn Phát	9	
18	Su26	Nguyễn Minh	Ngọc	29	3	2005	TP.HCM	9A1	Nguyễn Thị Thập	9	
19	Su3	Nguyễn Hoàng	Anh	4	5	2005	TP.HCM	9A5	Nguyễn Hữu Thọ	8.75	
20	Su9	Thái Thiên	Duy	26	9	2005	TP.HCM	9A2	Nguyễn Hữu Thọ	8.5	
21	Su11	Trần Cẩm	Hằng	30	6	2005	TP.HCM	9TC3	Nguyễn Hữu Thọ	8.25	
22	Su8	Vũ Khánh	Duy	26	9	2005	Thái Nguyên	9A5	Phạm Hữu Lầu	8	
23	Su23	Trần Thanh	Ngân	2	4	2005	TP.HCM	9A6	Nguyễn Hữu Thọ	8	
24	Su19	Lê Phi	Long	20	7	2005	Long An	9A3	Nguyễn Thị Thập	7.75	
25	Su37	Đỗ Phương	Thảo	16	8	2005	Gia Lai	9A5	Trần Quốc Tuấn	7.75	
26	Su29	Bùi Nguyễn Thu	Nhiều	24	10	2005	TP.HCM	9A3	Phạm Hữu Lầu	7	

Số TT	SGD	HỌ VÀ LÓT	TÊN	NGÀY SINH			NƠI SINH	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM	GHI CHÚ
				NGÀY	THÁNG	NĂM					
27	Su34	Hoàng Trần Anh	Quân	16	9	2005	TP.HCM	9A5	Phạm Hữu Lầu	7	
28	Su35	Lê Nguyễn Hồng	Quân	27	6	2005	Nghệ An	9A6	Đinh Thiện Lý	7	
29	Su46	Quách Ngọc Phương	Vy	24	5	2005	TP.HCM	9TC4	Nguyễn Hữu Thọ	6.5	
30	Su22	Lê Hoàng	My	5	4	2005	Hà Nội	9A2	Nam Sài Gòn	6.25	
31	Su39	Hoàng Trần Thanh	Trang	21	12	2005	TP.HCM	9A1	Nguyễn Hiền	5.5	
32	Su20	Nguyễn Đức	Minh	27	1	2005	TP.HCM	9A6	Đinh Thiện Lý	5.25	
33	Su24	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	14	8	2005	TP.HCM	9A2	Huỳnh Tấn Phát	5.25	
34	Su25	Cao Thụy Bảo	Ngọc	25	10	2005	TP.HCM	9a3	Hoàng Quốc Việt	5.25	
35	Su31	Nguyễn Thị Trâm	Như	23	2	2005	TP.HCM	9a2	Hoàng Quốc Việt	5.25	
36	Su27	Trần Việt Thiên	Nhật	2	12	2005	TP.HCM	9A6	Đinh Thiện Lý	4.75	
37	Su42	Võ Huỳnh Cẩm	Tú	30	8	2005	TP.HCM	9TC2	Nguyễn Hữu Thọ	4.75	
38	Su40	Nguyễn Xuân	Trọng	17	9	2005	TP.HCM	9tc1	Hoàng Quốc Việt	4.5	
39	Su4	Nguyễn Ngọc Trâm	Anh	29	9	2005	TP.HCM	9A5	Nguyễn Hữu Thọ	4.25	
40	Su15	Đường Nhật	Huy	15	11	2005	TP.HCM	9A1	Nam Sài Gòn	4.25	
41	Su17	Lê Quốc	Huy	15	5	2005	TP.HCM	9A1	Nguyễn Hữu Thọ	3.25	
42	Su36	Hoàng Ngọc	Sơn	18	8	2005	TP.HCM	9A1	Nam Sài Gòn	3.25	
43	Su16	Nguyễn Trần Gia	Huy	28	8	2005	TP.HCM	9A1	Đinh Thiện Lý	3	
44	Su41	Lại Thụy Thanh	Trúc	11	3	2005	TP.HCM	9a3	Hoàng Quốc Việt	1.75	
45	Su43	Lê Thúc	Tường	30	12	2005	TP.HCM	9.R1	Việt Úc (RS)	1.75	
46	Su32	Nguyễn Phan Hoàng	Oanh	29	12	2005	TP.HCM	9TC3	Nguyễn Hữu Thọ	1	

Tổng cộng có 46 thí sinh đăng ký dự thi môn Lịch sử;

Tổng cộng có 15 học sinh đạt giải học sinh giỏi cấp quận môn Lịch sử;

Ghi chú: đánh dấu "x" là học sinh đạt giải học sinh giỏi cấp quận năm học 2019 - 2020

NGƯỜI LẬP BẢNG

(đã ký)

Nguyễn Thị Kim Ngọc

TRƯỞNG PHÒNG

(đã ký và đóng dấu)

Ngô Xuân Đông

Quận 7, ngày 02 tháng 12 năm 2019

KẾT QUẢ KỲ THI HỌC SINH GIỎI LỚP 9 BẬC TRUNG HỌC CƠ SỞ CẤP QUẬN
Năm học 2019 - 2020
MÔN : ĐỊA LÝ

Số TT	SBD	HỌ VÀ LÓT	TÊN	NGÀY SINH			NƠI SINH	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM	GHI CHÚ
				NGÀY	THÁNG	NĂM					
1	Đ26	Nguyễn Ngọc Cát	Tiên	19	5	2005	TP.HCM	9A4	Huỳnh Tấn Phát	15.5	x
2	Đ35	Huỳnh Ngọc Thúy	Vy	4	4	2005	TP.HCM	9TC2	Huỳnh Tấn Phát	13.25	x
3	Đ34	Đỗ Trương Nhật	Vy	22	8	2005	TP.HCM	9TC2	Huỳnh Tấn Phát	13	x
4	Đ5	Nguyễn Nhất	Dương	27	6	2005	TP.HCM	9TC2	Huỳnh Tấn Phát	12.5	x
5	Đ10	Lê Chấn	Khang	4	10	2005	TP.HCM	9A1	Trần Quốc Tuấn	12.25	x
6	Đ3	Nguyễn Ngọc	Ánh	3	10	2005	TP.HCM	9TC2	Huỳnh Tấn Phát	11.75	x
7	Đ27	Tô Thủy	Tiên	11	9	2005	TP.HCM	9TC3	Huỳnh Tấn Phát	11	x
8	Đ9	Nguyễn Thị Thuý	Hằng	22	7	2005	TP.HCM	9A5	Trần Quốc Tuấn	10.75	x
9	Đ31	Ngô Thanh	Vy	24	9	2005	TP.HCM	9A1	Phạm Hữu Lầu	10.75	x
10	Đ32	Văn Hạ	Vy	10	11	2005	Long An	9A7	Phạm Hữu Lầu	10.5	x
11	Đ22	Võ Doãn Nghi	Phương	2	8	2005	TP.HCM	9TC2	Huỳnh Tấn Phát	10	x
12	Đ33	Lê Thị Thuý	Vy	10	2	2005	TP.HCM	9TC1	Huỳnh Tấn Phát	10	x
13	Đ6	Lê Quang Ngọc	Giao	19	4	2005	TP.HCM	9A2	Trần Quốc Tuấn	9.5	x
14	Đ18	Vũ Thiên	Nga	21	3	2005	Hà Nội	9A1	Nam Sài Gòn	9.25	x
15	Đ12	Ngô Huỳnh Kim	Khánh	8	9	2005	TP.HCM	9A1	Trần Quốc Tuấn	9	x
16	Đ7	Dương Gia	Hân	21	12	2005	TP.HCM	9A2	Trần Quốc Tuấn	8.75	
17	Đ19	Ứng Kim	Ngân	25	1	2005	Bến Tre	9A7	Phạm Hữu Lầu	8.75	
18	Đ2	Phùng Hồng	Ánh	29	6	2005	TP.HCM	9A7	Phạm Hữu Lầu	8.25	
19	Đ20	Nguyễn Cao	Nhân	23	10	2005	TP.HCM	9A4	Đinh Thiện Lý	8.25	
20	Đ23	Dương Thị Thanh	Quỳnh	6	7	2005	TP.HCM	9A1	Trần Quốc Tuấn	8.25	
21	Đ1	Lê Nguyễn Hồng	Anh	22	12	2005	TP.HCM	9A1	Nguyễn Hữu Thọ	8	
22	Đ4	Nguyễn Văn Thành	Đô	7	8	2005	TP.HCM	9TC1	Huỳnh Tấn Phát	8	
23	Đ37	Ngô Ái	Vy	11	09	2005	TP.HCM	9A8	Nguyễn Thị Thập	8	
24	Đ24	Nguyễn Hoàng Anh	Thư	28	7	2005	TP.HCM	9TC3	Huỳnh Tấn Phát	7.5	
25	Đ14	Phan Anh	Khoa	13	9	2005	TP.HCM	9A3	Đinh Thiện Lý	7.25	
26	Đ16	Hứa Gia	Linh	27	4	2005	TP.HCM	9A2	Nguyễn Hữu Thọ	7.25	
27	Đ29	Nguyễn Thị Bích	Vân	25	1	2005	TP.HCM	9A6	Phạm Hữu Lầu	7.25	

Số TT	SBD	HỌ VÀ LÓT	TÊN	NGÀY SINH			NƠI SINH	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM	GHI CHÚ
				NGÀY	THÁNG	NĂM					
28	Đ13	Nguyễn Minh	Khoa	21	11	2005	TP.HCM	9A4	Đinh Thiện Lý	6.75	
29	Đ21	Nguyễn Đàm Khánh	Như	27	12	2005	TP.HCM	9TH	Nguyễn Hữu Thọ	6.75	
30	Đ30	Phan Thị Thuý	Vy	27	7	2005	TP.HCM	9A5	Trần Quốc Tuấn	6.75	
31	Đ17	Võ Trúc	Linh	23	07	2005	TP.HCM	9A5	Nguyễn Thị Thập	6.5	
32	Đ28	Phạm Thị Thanh	Trúc	20	02	2005	TP.HCM	9A8	Nguyễn Thị Thập	6.25	
33	Đ15	Phạm Bằng	Lăng	30	12	2005	TP.HCM	9TH	Nguyễn Hữu Thọ	5.25	
34	Đ25	Nguyễn Phạm Hoài	Thương	24	3	2005	TP.HCM	9A2	Nguyễn Hữu Thọ	5.25	
35	Đ8	Trần Ngọc	Hân	22	06	2005	TP.HCM	9A4	Nguyễn Thị Thập	5	
36	Đ11	Phạm Tôn An	Khang	23	12	2005	TP.HCM	9TH	Nguyễn Hữu Thọ	5	
37	Đ36	Lư Võ Tường	Vy	11	8	2005	TP.HCM	9A2	Nguyễn Hữu Thọ	2.5	

Tổng cộng có 37 thí sinh đăng ký dự thi môn Địa lý;

Tổng cộng có 15 học sinh đạt giải học sinh giỏi cấp quận môn Địa lý;

Ghi chú: đánh dấu "x" là học sinh đạt giải học sinh giỏi cấp quận năm học 2019 - 2020

NGƯỜI LẬP BẢNG

(đã ký)

Nguyễn Thị Kim Ngọc

TRƯỞNG PHÒNG

(đã ký và đóng dấu)

Ngô Xuân Đông

Quận 7, ngày 02 tháng 12 năm 2019

KẾT QUẢ KỲ THI HỌC SINH GIỎI LỚP 9 BẬC TRUNG HỌC CƠ SỞ CẤP QUẬN
Năm học 2019 - 2020
MÔN: KHOA HỌC TỰ NHIÊN

Số TT	SBD	HỌ VÀ LÓT	TÊN	NGÀY SINH			NƠI SINH	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM	GHI CHÚ
				NGÀY	THÁNG	NĂM					
1	TN32	Diệp Thanh	Nhã	13	1	2005	TP.HCM	9TC1	Nguyễn Hữu Thọ	17.5	x
2	TN45	Kiều Thành	Tuân	3	6	2005	TP.HCM	9A4	Huỳnh Tấn Phát	15.75	x
3	TN26	Nguyễn Trần Bảo	Long	28	5	2005	TP.HCM	9A1	Nguyễn Hữu Thọ	15	x
4	TN9	Nguyễn Võ Minh	Di	6	2	2005	TP.HCM	9TC1	Huỳnh Tấn Phát	14.75	x
5	TN15	Nguyễn Chấn	Hoàn	15	7	2005	TP.HCM	9TC1	Huỳnh Tấn Phát	14.5	x
6	TN325	Hoàng Tuấn	Lĩnh	19	8	2005	TP.HCM	9.S3	Việt Úc (SR)	14	x
7	TN43	Nguyễn Đoàn Bảo	Trân	20	6	2005	TP.HCM	9TC4	Nguyễn Hữu Thọ	13	x
8	TN19	Đình Đức	Huy	3	12	2005	TP.HCM	9A6	Đình Thiện Lý	12.75	x
9	TN42	Phạm Minh	Thuận	27	5	2005	TP.HCM	9TC3	Huỳnh Tấn Phát	12.5	x
10	TN31	Nguyễn Lê Lam	Ngọc	1	9	2005	TP.HCM	9TC3	Nguyễn Hữu Thọ	12.25	x
11	TN1	Nguyễn Vũ Quốc	An	8	4	2005	TP.HCM	9A1	Nguyễn Hữu Thọ	12	x
12	TN29	Đặng Hồng Phương	Nghi	12	8	2005	TP.HCM	9TC1	Nguyễn Hữu Thọ	12	x
13	TN5	Hoàng Lê	Bách	15	5	2005	Nghệ An	9.S3	Việt Úc (SR)	11.75	x
14	TN33	Nguyễn Ái	Như	2	9	2005	TP.HCM	9A1	Nguyễn Hữu Thọ	11	x
15	TN20	Hoàng Trần Mai	Huyền	7	4	2005	TP.HCM	9TC1	Huỳnh Tấn Phát	10.5	x
16	TN12	Nguyễn Thu	Hải	23	2	2005	Thái Bình	9TC3	Huỳnh Tấn Phát	10.25	
17	TN13	Lưu Mỹ	Hân	7	10	2005	TP.HCM	9.S3	Việt Úc (SR)	10.25	
18	TN18	Lê Quang	Huy	9	2	2005	TP.HCM	9A3	Huỳnh Tấn Phát	10	
19	TN11	Lê Hương	Giang	12	11	2005	TP.HCM	9TC3	Hoàng Quốc Việt	9.25	
20	TN35	Đỗ Phú	Ninh	17	2	2005	TP.HCM	9A6	Đình Thiện Lý	9	
21	TN4	Đoàn Minh	Ánh	26	7	2005	TP.HCM	9TC1	Nguyễn Hữu Thọ	8.75	
22	TN10	Nguyễn	Dũng	29	3	2005	TP.HCM	9A2	Đình Thiện Lý	8.75	
23	TN17	Nguyễn Đình Nhật	Huy	19	7	2005	Hà Nội	9.R1	Việt Úc (RS)	8.5	
24	TN44	Nguyễn Thành	Trung	7	10	2005	TP.HCM	9TC3	Huỳnh Tấn Phát	8.5	
25	TN27	Lê Kim Uyên	Minh	5	2	2005	TP.HCM	9A6	Đình Thiện Lý	7.5	
26	TN3	Trịnh Vũ Quỳnh	Anh	19	6	2005	TP.HCM	9A1	Nguyễn Hữu Thọ	7.25	

Số TT	SBD	HỌ VÀ LÓT	TÊN	NGÀY SINH			NƠI SINH	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM	GHI CHÚ
				NGÀY	THÁNG	NĂM					
27	TN6	Phan Võ Phi	Bảo	21	4	2005	TP.HCM	9A1	Nguyễn Hữu Thọ	7.25	
28	TN37	Nguyễn Hoàng	Quân	16	9	2005	TP.HCM	9TC2	Nguyễn Hữu Thọ	7.25	
29	TN40	Phan Thái Thiên	Thanh	16	5	2005	TP.HCM	9A6	Đình Thiện Lý	7.25	
30	TN14	Nguyễn Gia	Hân	14	12	2005	TP.HCM	9TC3	Hoàng Quốc Việt	6.75	
31	TN21	Chung Nguyễn Huỳnh	Khang	19	6	2005	TP.HCM	9.S3	Việt Úc (SR)	6.75	
32	TN24	Trần Anh	Kiệt	27	7	2005	TP.HCM	9TC2	Hoàng Quốc Việt	6.75	
33	TN30	Lê Trung	Nghĩa	22	2	2005	TP.HCM	9TC3	Huỳnh Tấn Phát	6.75	
34	TN38	Nguyễn Hà Minh	Quang	10	4	2005	Đắk Lắk	9.S1	Việt Úc (SR)	6	
35	TN36	Nguyễn Đăng	Quân	12	7	2005	TP.HCM	9A2	Đình Thiện Lý	5.25	
36	TN46	Phan Vũ Thuỳ	Vân	9	2	2005	TP.HCM	9A1	Nguyễn Hữu Thọ	5	
37	TN7	Nguyễn	Ben	7	7	2004	TP.HCM	9.R1	Việt Úc (RS)	4.75	
38	TN22	Ngô Vy	Khanh	26	5	2005	TP.HCM	9TC1	Nguyễn Hữu Thọ	4.5	
39	TN34	Lâm Thảo	Như	24	6	2005	TP.HCM	9A7	Nguyễn Hữu Thọ	4.25	
40	TN41	Hồ Đức Nhân	Thiện	30	5	2005	Quảng Nam	9TC2	Nguyễn Hữu Thọ	4	
41	TN2	Đặng Hải	Anh	29	6	2005	TP.HCM	9A6	Đình Thiện Lý	3.75	
42	TN23	Nguyễn Tuấn	Kiệt	14	2	2005	Bến Tre	9TC1	Huỳnh Tấn Phát	3.5	
43	TN47	Võ Lê Thụy	Vy	25	5	2005	Bạc Liêu	9.S2	Việt Úc (SR)	3.25	
44	TN16	Đặng Lê Minh	Hoàng	18	6	2005	TP.HCM	9A6	Đình Thiện Lý	2.75	
45	TN48	Võ Lê Anh	Vy	30	1	2005	TP.HCM	9A 2	Hoàng Quốc Việt	0.25	
46	TN8	Hồ Tùng	Chi	21	4	2005	TP.HCM	9.S3	Việt Úc (SR)	Vắng	
47	TN28	Bùi Nguyễn Tuyết	Ngân	9	10	2005	TP.HCM	9.R1	Việt Úc (RS)	Vắng	
48	TN39	Võ Minh	Quốc	20	10	2005	TP.HCM	9.S1	Việt Úc (SR)	Vắng	

Tổng cộng có 48 thí sinh đăng ký dự thi môn Khoa học tự nhiên;

Tổng cộng có 15 học sinh đạt giải học sinh giỏi cấp quận môn Khoa học tự nhiên;

Ghi chú: đánh dấu "x" là học sinh đạt giải học sinh giỏi cấp quận năm học 2019 - 2020

NGƯỜI LẬP BẢNG

(đã ký)

Nguyễn Thị Kim Ngọc

TRƯỞNG PHÒNG

(đã ký và đóng dấu)

Ngô Xuân Đông

